TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2021/HSST Ngày: 22 - 4 – 2021	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quốc M1

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Thành

2. Ông Nguyễn Đức Hoài

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/HSST-QĐ ngày 10/3/20201 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ H, sinh năm 1970, tại Vĩnh Long; tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Ấp P, xã Q, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn U (đã chết) và bà Phạm Thị L(đã chết); chồng Hồ Hữu P (đã ly hôn); Con Hồ Như M, sinh năm 1990; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Đoàn Văn S, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Tổ 2, ấp Đ, xã T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

Người làm chứng: Ông Vũ Ngọc M1, sinh năm 1960; bà Trần Thị H, sinh năm 1961; Cùng nơi cư trú: Tổ 6, ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn S sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 11 năm 2019.

Ngày 07 tháng 3 năm 2020, ông Schuyển nhượng cho ông Vũ Ngọc M1, sinh năm 1960 và bà Trần Thị H, sinh năm 1961; cùng trú tại: Tổ 6, ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước phần đất có diện tích 2086,7m^2, phần đất này nằm trong tổng diện tích đất 4941.3 m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, giấy chứng nhận quyền S dụng đất số: CD 781314, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền S dụng đất số: CS 01110, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 20/5/2016, mang tên ông Đoàn Văn S; giá chuyển nhượng là 330.000.000 đồng; cùng ngày ông M1, bà H đặt cọc cho ông S số tiền 50.000.000 đồng. Đến ngày 10 tháng 3 năm 2020 ông M1, bà H tiếp tục đặt cọc thêm số tiền 10.000.000 đồng cho ông S. Tổng số tiền đặt cọc ông S nhận là 60.000.000 đồng, số tiền 270.000.000 đồng còn lại ông M1, bà H thanh toán khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền S dụng đất. Sau khi nhận số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng thì ông S đã giao cho H cất giữ, chi tiêu và cho H vay trả nợ, cụ thể: H đã cho con riêng của ông S là anh Đoàn Văn Tsố tiền 15.000.000 đồng và anh Đoàn Văn Psố tiền 10.000.000 đồng; mua các đồ dùng trong gia đình như Tủ lạnh, nồi cơm điện, ấm siêu tốc và chi phí ăn uống với số tiền 10.000.000 đồng. Số tiền 25.000.000 đồng còn lại H vay ông Sđể trả nợ, khi vay tiền H có hẹn ông Skhi nào có thì H trả cho ông S, ông Sđồng ý.

Ngày 25 tháng 4 năm 2020, ông S cùng H đến Văn phòng công chứng H1– Địa chỉ: Quốc lộ 13, khu phố 1, thị trấn Tân Khai, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (Sau đây gọi là Văn phòng công chứng) để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền S dụng đất đối với phần đất nêu trên với ông M1, bà H và nhận số tiền còn lại. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông M1, bà H đã thanh toán đủ cho ông Ssố tiền 270.000.000 đồng, số tiền này ông Sgiao cho H cất giữ. Trên đường từ văn phòng công chứng về thì H và ông S có ghé quán ăn để ăn phở, mua gạo với chi phí hết 500.000 đồng, số tiền còn lại 269.500.000 đồng H cất giữ trong cốp xe của mình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày ông S đi ngủ, H đã cầm số tiền 269.500.000 đồng để ở cốp xe của H đi về phòng trọ H thuê tại ấp 1, xã T1, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thu dọn đồ đạc, cắt liên lạc với ông S rồi bỏ trốn về tỉnh Vĩnh Long. Khi về Vĩnh Long H đã S dụng số tiền chiếm đoạt được của ông S để tiêu xài cá nhân và đi qua Campuchia đánh bài thua hết.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Opp A5S, màu đỏ, H mua từ số tiền chiếm đoạt của ông S.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Syêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 295.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 270.000.000 đồng H chiếm đoạt ngày 25/4/2020 và số tiền 25.000.000 đồng H vay của ông S khoảng tháng 3/2020.

Bản cáo trạng số:16/CT-VKS ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ quyền công tố luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 175, điểm s khoản 1

Điều 51; Điều 50, 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 6 đến 7 năm tù và buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin lỗi người bị hại; bị cáo không tranh luận mà chỉ đề nghị được khắc phục một phần hậu quả bằng số tiền bảo hiểm xã hội của bị cáo đã nộp trong 16 năm đi làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất để bị cáo có điều kiện lao động nhằm sớm hoàn trả lại tiền cho người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo H khai H và ông S quen biết qua giới thiệu của con gái ông S, ông S hứa sẽ chăm lo cho cuộc sống của H nên H đã chuyển đến sống chung như vợ chồng với ông S từ trước tết nguyên đán năm 2020 tại ấp Đ, xã T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Ngày 07/3/2020 ông S có chuyển nhượng phần đất có diện tích 2086,7m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước cho ông Vũ Ngọc M1, bà Trần Thị H; giá chuyển nhượng là 330.000.000 đồng; ông S rủ H cùng đi gặp ông M1, bà H để đặt cọc, nhận tiền; ông M1, bà H đã đặt cọc cho ông S tổng số tiền 60.000.000 đồng (*ngày 07/3/2020 ông Snhận 50.000.000 đồng và ngày 10/3/2020 ông Snhận 10.000.000 đồng),*ông S ký giấy nhận tiền và giao tiền cho H cất giữ, chi tiêu và cho H vay trả nợ, cụ thể: H đã cho con riêng của ông S là anh Đoàn Văn T số tiền 15.000.000 đồng và anh Đoàn Văn Psố tiền 10.000.000 đồng; mua các đồ dùng như: Tủ lạnh, nồi cơm điện, ấm siêu tốc và chi phí ăn uống, sinh hoạt với tổng số tiền 10.000.000 đồng; Số tiền 25.000.000 đồng còn lại ông Sđồng ý cho H vay để trả nợ. Tại phiên tòa ông Skhai trong tổng số 60.000.000 đồng ông Snhận tiền đặt cọc từ ông M1, bà H trong tháng 3 năm 2020 và giao cho H cất giữ, ông Sđồng ý với H về việc H chi tiêu số tiền 35.000.000 đồng gồm tiền cho hai người con riêng của ông S, mua sắm đồ dùng, chi tiêu sinh hoạt; Về số tiền 25.000.000 ông Sđồng ý cho H vay để trả nợ, ông Svà H không thỏa thuận thời hạn trả, H có hẹn khi nào có thì H trả, tại phiên tòa ông Syêu cầu H có nghĩa vụ trả cho ông Ssố tiền 25.000.000 đồng H vay. Như vậy, giữa ông Svà H có xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản, hợp đồng vay không xác định thời hạn, ông S cũng chưa có lần nào yêu cầu H trả tiền nên về mặt chủ quan việc H bỏ trốn ngày 25/4/2020 không nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 25.000.000

đồng vay của ông S. Do đó, Hội đồng xét xử tách số tiền 25.000.000 đồng H vay của ông S ra không giải quyết trong vụ án này. Trường hợp, ông S có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

Ngày 25/4/2020 H cùng với ông S đến Văn phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền S dụng đất với ông M1, bà H đối với phần đất nêu trên; Sau khi ký hợp đồng ông M1, bà H đã thanh toán cho ông S số tiền 270.000.000 đồng, ông S cùng H đếm tiền và nhận đủ tiền, sau đó ông S đưa số tiền trên cho H cất giữ. Trên đường về H và ông S ghé cây xăng Đ– Địa chỉ tại ấp 2, thị trấn C, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước để H lấy xe mô tô của H gửi trước đó, tại đây H bỏ số tiền trên vào trong cốp xe của H rồi cùng ông Sđi ăn phở, mua hai bao gạo, chi phí thanh toán các khoản trên được H lấy từ số tiền 270.000.000 đồng của ông S mà H đang cất giữ nhưng H không nhớ là đã chi trả bao nhiêu. Tại phiên tòa ông Skhai trên đường về ông S và H có ghé quán ăn phở và mua hai bao gạo, chi phí hết 500.000 đồng được lấy từ số tiền 270.000.000 đồng chuyển nhượng đất H đang giữ, ông S đồng ý chi trả các chi phí trên, số tiền còn lại H cất giữ là 269.500.000 đồng. Khoảng 18 giờ ngày 25/4/2020 ông Svà H về đến nhà của ông Svà H vẫn cất giữ số tiền 269.500.000 đồng trong cốp xe của H. Đến khoảng 21 giờ ngày 25/4/2020 lợi dụng khi ông Sđi ngủ H đã S dụng xe mô tô của H, trong cốp xe có số tiền 269.500.000 đồng của ông S đi về nhà trọ H thuê tại xã T1, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thu dọn đồ đạc và bỏ trốn về tỉnh Vĩnh Long, khi về đến Vĩnh Long H đã S dụng số tiền 269.500.000 đồng chiếm đoạt của ông Sđể tiêu xài cá nhân và đi qua Casino ở Campuchia đánh bài.

Về thời gian bị cáo H chiếm đoạt tài sản của ông S, theo đơn trình báo sự việc của ông Sngày 01/6/2020 và một số tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án (Bút lục số: 7,9,13,14,34,37,38,39,40,42, 66,63, 65,68, 89) xác định thời gian bị cáo H chiếm đoạt tài sản của ông Slà ngày 26/3/2020. Tuy nhiên, quá trình thẩm tra bị cáo tại phiên tòa; lời khai của người bị hại ông S; lời khai của người làm chứng ông Vũ Ngọc M1, bà Trần Thị H tại phiên tòa và căn cứ hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền S dụng đất do Văn phòng công chứng H1công chứng số:001333, quyển số:01/2020/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/4/2020 thể hiện ngày 25/4/2020 là ngày ông S và ông M1, bà H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền S dụng đất và là ngày ông M1, bà H thanh toán số tiền 270.000.000 đồng cho ông S. Như vậy, thời gian bị cáo H chiếm đoạt tài sản của ông S xảy ra vào ngày 25/4/2020.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử đủ cơ sở để khẳng định bị cáo H lợi dụng sự tin tưởng của ông Sgiao cho bị cáo cất giữ số tiền 269.500.000 đồng vào ngày 25/4/2020, cùng ngày bị cáo đã có hành vi bỏ trốn, cắt liên lạc với ông Snhằm chiếm đoạt số tiền trên để S dụng chi tiêu cá nhân và qua Campuchia đánh bài không có khả năng trả lại cho ông S. Hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 269.500.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung *"Phạm tội chiếm đoạt tài sản tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng"*. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Bản cáo trạng số:16/CT-VKS ngày 01/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

truy tố bị cáo H về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều kH hành vi của mình. Xét thấy, bị cáo nhận thức được số tiền nêu trên là tài sản của ông S, do chung sống như vợ chồng với ông Snên được ông Sgiao cho bị cáo cất giữ nhưng bị cáo đã bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền trên để chi tiêu cá nhân và S dụng vào mục đích bất hợp pháp, trước khi thực hiện hành vi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tài sản của ông S, bị cáo đã cho ông Suống bia, xì hơi bánh xe mô tô của ông S, khóa điện thoại di động, điều này chứng tỏ bị cáo H đã có sự tính toán, chuẩn bị trước khi thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt bằng được tài sản của ông S. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qúa trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo có trình độ học vấn thấp, việc bị cáo phạm tội có một phần lỗi của người bị hại. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại ông Đoàn Văn S yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 295.000.000 đồng. Trong đó, số tiền 270.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt ngày 25/4/2020 và số tiền 25.000.000 đồng ông Scho bị cáo vay để trả nợ. Tuy nhiên, như nhận định tại mục [2] thì bị cáo H chiếm đoạt của ông Ssố tiền 269.500.000 đồng ngày 25/4/2020; Số tiền 25.000.000 đồng ông Scho bị cáo vay là quan hệ dân sự Hội đồng xét xử tách ra, không giải quyết trong vụ án này, khi ông Scó yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị với người bị hại cho bị cáo được trả góp số tiền bị cáo chiếm đoạt sau khi bị cáo chấp hành án xong. Ngoài ra, bị cáo xác nhận bị cáo có số tiền đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian 16 năm bị cáo đi làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai có thể dùng để khắc phục một phần hậu quả cho ông S. Xét thấy, bị cáo đã chiếm đoạt của ông Ssố tiền 269.500.000 đồng nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nói trên cho ông S. Đồng thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về thi hành án xác minh số tiền bảo hiểm xã hội của bị cáo H theo hồ sơ bảo hiểm xã hội số: BHXH 4706025795 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai để xử lý về trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

[7]. Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Opp A5S, màu đỏ, đây là tài sản bị cáo mua từ số tiền chiếm đoạt của ông S. Do đó, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với trách nhiệm bồi thường cho người bị hại.

[8]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước về tội danh, khung hình phạt và trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50; 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đoàn Văn S số tiền 269.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tách số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) ông Đoàn Văn S cho bị cáo Nguyễn Thị H vay ra không giải quyết trong vụ án này. Trường hợp, ông Scó yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết trong một vụ án dân sự khác.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về thi hành án xác minh số tiền bảo hiểm xã hội của bị cáo Nguyễn Thị H theo hồ sơ bảo hiểm xã hội số: BHXH 4706025795 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai để xử lý về trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Opp A5S, màu đỏ để đảm bảo thi hành án đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại cho ông Đoàn Văn S.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 13.475.000 đồng (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo; người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc M1